

Bản án số: 05/ 2024/ HS-ST
Ngày: 07/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lã Hoàng Giáp.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến.

Ông Hà Xuân Ninh.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Bùi Hồng Mơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên toà:** ông Vũ Văn Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST – HS ngày 07 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Vũ Thị L** (tên gọi khác: không), sinh năm 1973; tại **xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**; Nơi cư trú: **xóm C, xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình**; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Vũ Xuân T** và bà **Dương Thị S**; Chồng **Lưu Quang Y**, có 02 con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt)

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. (có đơn xin vắng mặt)

+ chị **Trần Thị H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. (vắng mặt)

+ Anh **Tạ Hùng T1**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: **thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. (vắng mặt)

+ Chị **Vũ Thị T2**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: **phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình**. (vắng mặt)

+ Chị **Nguyễn Ngọc H1**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **phố T, thị trấn M, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. (vắng mặt)

+ Ông **Trần Văn H2**, sinh năm 1937; Địa chỉ: **thôn S, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình**. (vắng mặt)

+ Chị **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **thôn X, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. (vắng mặt)

+ Anh **Đỗ Phú H4**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **thôn V, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. (vắng mặt)

+ Chị **Đào Thị Hồng N**, sinh năm 1990, trú tại **phố B, phường N, thành phố N**; (vắng mặt)
 + Anh **Lưu Danh H5**, sinh năm 1990, trú tại **xóm B, xã L, huyện G**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị L có quen biết với anh **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1993, trú tại **thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**. Do có nhu cầu sử dụng tiền để làm ăn, kinh doanh, từ khoảng tháng 10 năm 2020, anh **Nguyễn Tiến D** đã nhiều lần vay tiền của **Vũ Thị L**. Đến ngày 29/01/2022, anh **D** đã vay của **L** số tiền 1.078.085.000 đồng. **L** nảy sinh ý định cho anh **D** vay tiền có lãi suất để kiếm lời, hai bên thỏa thuận với nhau lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lúc này, **L** bắt đầu tính lãi cho anh **D** từ khoản vay 1.078.085.000 đồng, nếu anh **D** không trả tiền lãi cho **L**, thì số tiền lãi sẽ cộng vào tiền gốc, tiếp tục tính với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 109,5%/năm (gấp 5.475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự).

* Lần vay thứ 1:

Ngày 29/01/2022, anh **Nguyễn Tiến D** vay tiền của **Vũ Thị L** số tiền 1.078.085.000 đồng, tính với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đối với lần vay này, **L** cho anh **D** vay trong 65 ngày (từ ngày 29/01/2022 đến ngày 17/02/2022; từ ngày 4/4/2022 đến ngày 27/4/2022; từ ngày 16/6/2022 đến ngày 27/6/2022)

Số tiền lãi là 210.226.575 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 38.397.548 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **171.829.027 đồng**.

* Lần vay thứ 2:

Ngày 11/02/2022, **L** sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 lắp số thuê bao 0962.016.232, nhắn tin qua ứng dụng SMS đến số thuê bao 0866.193.665 của anh **D**, xác định số tiền **L** cho anh **D** vay là 45.276.000 đồng, với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày.

L cho anh **D** vay trong thời gian là 51 ngày, từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022; từ ngày 4/4/2022 đến ngày 27/4/2022; từ ngày 16/6/2022 đến ngày 27/6/2022), số tiền lãi là 6.927.228 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 1.265.247 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **5.661.981 đồng**.

* Lần vay thứ 3:

Ngày 13/02/2022, **L** sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 lắp số thuê bao 0962.016.232, nhắn tin qua ứng dụng SMS đến số thuê bao 0866.193.665 của anh **D**, xác định anh **D** vay của **L** số tiền, là 10.110.000 đồng, tính với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày.

L cho **D** vay trong thời gian là 48 ngày (từ ngày 13/02/2022 đến ngày 27/02/2022, từ ngày 04/4/2022 đến ngày 27/4/2022 và từ ngày 17/6/2022 đến ngày 27/6/2022), số tiền lãi là 1.455.840 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 265.907 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **1.189.933 đồng**.

*** Lần trả thứ 1:**

Ngày 20/02/2022, anh **D** đã trả cho **L** 23.800.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ **ngân hàng M** số 5830186789999 của anh **D**, đến số tài khoản **ngân hàng V** 101865946868 của **L**, đây là tiền lãi lần vay thứ 1, 2, 3, trong thời gian 7 ngày, từ ngày 13/02/2022 đến ngày 20/02/2022.

*** Lần vay thứ 4:**

Ngày 27/02/2022, **L** sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 lắp số thuê bao 0962.016.232, nhắn tin đến số thuê bao 0866.193.665 của anh **D**, xác định anh **D** vay của **L** 23.800.000 đồng, tính với nhau lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. **L** cho **D** vay trong thời gian là 34 ngày (từ ngày 04/4/2022 đến ngày 27/4/2022 và từ ngày 17/6/2022 đến ngày 27/6/2022),

Số tiền lãi theo thỏa thuận là 2.427.600 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 443.397 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **1.984.203 đồng**.

*** Lần vay thứ 5:**

Ngày 04/4/2022, do có nhu cầu vay tiền để làm ăn kinh doanh, **L** cho anh **D** vay số tiền 99.591.000 đồng, tính với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 24/4/2022, anh **D** đã trả lại cho **L** số tiền 27.956.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại **L** số tiền 71.635.000 đồng; Ngày 27/4/2022 đến ngày 16/6/2022, do khó khăn về kinh tế, không trả được lãi nên **L** không tính lãi cho anh **D**. Từ ngày 16/6/2022 đến 27/6/2022, Liên tiếp tục tính lãi đối với khoản vay này trong thời gian 11 ngày.

Đối với khoản vay này, tổng số tiền lãi là 9.067.998 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 1.656.255 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **7.411.743 đồng**.

*** Lần trả thứ 2:**

Ngày 10/4/2022, anh **D** đã trả cho **L** 23.390.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ **ngân hàng M** số 5830186789999 của anh **D**, đến số tài khoản **ngân hàng V** 101865946868 của **L**, đây là số tiền lãi của các lần vay thứ 1, 2, 3, 4, 5 trong thời gian 7 ngày, từ ngày 04/4/2022 đến ngày 10/4/2022.

*** Lần vay thứ 6:**

Ngày 17/4/2022, anh **D** vay của **L** số tiền 23.391.000 đồng, tính với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. **L** cho **D** vay trong thời gian là trong 07 ngày, từ ngày 17/4/2022 đến ngày 24/4/2022.

Tổng số tiền lãi là 554.211 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 101.226 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **452.985 đồng**.

*** Lần trả thứ 3:**

Ngày 24/4/2023, anh **D** đã trả cho **L** số tiền 81.295.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ **ngân hàng M** số 5830186789999 của anh **D**, đến số tài khoản **ngân hàng V** 101865946868 của **L**, để trả 26.948.000 đồng tiền lãi các lần vay thứ 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong thời gian 7 ngày, từ ngày 17/4/2022 đến ngày 24/4/2022 và 26.391.000 đồng của tiền gốc lần vay thứ 6 và 27.956.000 đồng tiền gốc lần vay thứ 5.

*** Lần vay thứ 7:**

Ngày 21/4/2022, anh **D** đã vay của **L** số tiền 738.396.000 đồng, tính với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. **L** cho **D** vay trong thời gian là 16 ngày từ ngày 21/4/2022 đến ngày 27/4/2022 và từ ngày 17/6/2022 đến ngày 27/6/2022.

Tổng số tiền lãi là 35.443.008 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 6.473.609 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **28.969.399 đồng**.

*** Lần vay thứ 8:**

Ngày 22/4/2022, anh **D** vay của **L** số tiền là 172.215.000 đồng, tính với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 24/4/2023, anh **D** chuyển khoản qua ngân hàng để trả cho **L** số tiền 74.543.000 đồng, còn lại số tiền gốc là 97.672.000 đồng, Liên tiếp tục cho anh **D** vay tính lãi suất.

L cho **D** vay trong thời gian là 13 ngày, từ ngày 21/4/2022 đến ngày 27/4/2022, từ ngày 16/6/2022 đến ngày 27/6/2022. Anh **D** không trả được tiền gốc cho **L** tại lần vay này.

Tổng số tiền lãi là 4.482.498 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 884.475 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **3.958.023 đồng**.

*** Lần trả thứ 4:**

Ngày 24/4/2023, anh **D** đã trả cho **L** 5.457.000 đồng (đây là tiền lãi các lần vay thứ 7, 8 trong thời gian 3 ngày, từ ngày 22/4/2022 đến ngày 24/4/2022) bằng hình thức chuyển khoản từ **ngân hàng M** số 5830186789999 của anh **D**, đến số tài khoản **ngân hàng V** 101865946868 của **L** và 74.543.000 đồng tiền gốc của lần vay thứ 8.

*** Lần vay thứ 9:**

Ngày 26/4/2022, anh **D** tiếp tục vay của **L** số tiền 26.194.000 đồng, tính với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. **L** cho **D** vay trong thời gian là 12 ngày, từ ngày 26/4/2022 đến ngày 27/4/2022 và từ ngày 17/6/2022 đến ngày 27/6/2022.

Tổng số tiền lãi là 942.984 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 172.235 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **770.749 đồng**.

*** Lần vay thứ 10:**

Ngày 27/4/2022, anh **D** tiếp tục vay của **L** số tiền 6.078.000 đồng, tính với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. **L** cho **D** vay trong thời gian là 11 ngày, từ ngày 17/6/2022 đến ngày 27/6/2022.

Tổng số tiền lãi là 200.574 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 36.635 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **163.939 đồng**.

*** Lần vay thứ 11:**

Ngày 16/6/2022, do có nhu cầu vay tiền để làm ăn kinh doanh, anh **D** tiếp tục vay của **L** số tiền 436.273.000 đồng, tính với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. **L** cho **D** vay trong thời gian là 11 ngày từ ngày 16/6/2022 đến ngày 27/6/2022. Anh **D** không trả được tiền gốc cho **L** tại lần vay này.

Tổng số tiền lãi là 14.397.009 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 2.629.591 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **11.767.418 đồng**.

*** Lần vay thứ 12:**

Ngày 17/6/2022, anh **D** vay của **L** số tiền 487.600.000 đồng, với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Số tiền này **L** cho anh **D** vay từ ngày 17/6/2022 đến ngày 22/6/2022 anh **D** trả cho **L** số tiền 355.277.000 đồng vào tiền gốc của lần vay này, còn lại số tiền 132.323.000 đồng, Liên tiếp tục tính lãi cho anh **D**.

Quá trình điều tra xác định, **L** cho **D** vay trong thời gian là 10 ngày từ ngày 17/6/2022 đến ngày 27/6/2022. Anh **D** không trả được tiền gốc cho **L** tại lần vay này.

Tổng số tiền lãi là 9.298.845 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 1.698.419 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **7.600.426 đồng**.

*** Lần vay thứ 13:**

Ngày 20/6/2022, anh **D** vay của **L** số tiền 26.439.000 đồng, tính với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. **L** cho anh **D** vay trong thời hạn 02 ngày, từ ngày 20/6/2022 đến ngày 22/6/2022.

Quá trình điều tra xác định, ngày 22/6/2022, anh **D** đã chuyển khoản qua ngân hàng, trả số tiền gốc 26.439.000 đồng cho **L** tại lần vay này.

Số tiền lãi là 158.634 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 28.974 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **129.660 đồng**.

*** Lần trả 5:**

Ngày 22/6/2022, do không có tiền trả tiền lãi và gốc cho **L**, nên anh **D** đã cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elentra màu trắng biển kiểm soát 35A-176.01 của mình, cho chị **Đào Thị Hồng N**, sinh năm 1990, trú tại **phố B, phường N, thành phố N**, chị **N** nhận cầm cố chiếc xe ô tô trên và chuyển khoản cho **L** số tiền 400.000.000 đồng, Số tiền 400.000.000 đồng được dùng để trả 355.277.000 đồng tiền gốc của lần vay thứ 12; 26.439.000 đồng tiền gốc của lần vay thứ 13 và 18.284.000 đồng tiền lãi trên.

*** Lần vay thứ 14:**

Ngày 22/6/2022, **L** cho **D** vay 15.000.000 đồng. Đây là tiền lãi của việc cầm cố chiếc xe ô tô mà **L** đã nhận trả cho **D**, nhưng **D** vẫn chưa trả lại cho **L**, tính với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, trong 05 ngày từ ngày 22/6/2022 đến ngày 27/6/2022. Đến nay, anh **D** vẫn không trả được tiền gốc của lần vay này.

Tổng số tiền lãi là 225.000 đồng, số tiền lãi tối đa theo luật dân sự (20%/năm) là 41.096 đồng. Như vậy, số tiền **L** thu lời bất chính là **183.904 đồng**.

Quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ ngày 27/02/2022 đến ngày 04/4/2022 và khoảng thời gian từ ngày 27/4/2022 đến ngày 16/6/2022, do anh **D** trình bày khó khăn về kinh tế không có khả năng trả lãi, nên **L** chỉ cho anh **D** vay mà không tính lãi suất với anh **D**.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 29/01/2022 đến ngày 27/6/2022, tổng số tiền **L** cho anh **D** vay là 3.191.448.000 đồng. Tổng số tiền lãi là **296.168.004** đồng, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự của các khoản vay trên là **54.094.613** đồng. Tổng số tiền **L** thu lời bất chính là **242.073.391** đồng, số tiền thu lời bất chính thực tế anh **D** đã trả cho **L** là **209.379.327** đồng.

Tổng tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 54.094.613 đồng. **L** đã thu được của **D** số tiền **46.788.677** đồng, còn lại số tiền **7.305.936** đồng

D còn nợ L.

Anh D1 đã trả cho L 510.606.000 đồng tiền gốc, còn nợ L số tiền 2.680.842.000 đồng.

Đến ngày 14/10/2022, anh Nguyễn Tiến D đã có đơn tố giác Vũ Thị L đến Cơ quan điều tra, đồng thời đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Sau khi sự việc xảy ra, Vũ Thị L tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện G 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, số imei 1: 869035040504033, số imei 2: 869035040504025, lắp 01 số thuê bao 0962.016.232, bên trong điện thoại có các hình ảnh mà L đã chụp lại từ tin nhắn SMS với anh D mỗi lần thỏa thuận việc vay, trả nợ, tính lãi; Anh Nguyễn Tiến D tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu vàng, bị vỡ màn hình, bên trong lắp 01 sim viettel, số sim 8984048000064301758, đều đã qua sử dụng.

Ngày 09/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 07/QĐ-CQĐT ngày 09/01/2023, trưng cầu Phòng K, Công an tỉnh N và trích xuất dữ liệu SMS từ ngày 01/01/2021 đến ngày 27/6/2022 trên 02 chiếc điện thoại di động trên.

Tại bản Kết luận giám định số 200/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 27/02/2023, của phòng K Công an tỉnh N, kết luận:

+ Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS trên chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, màu vàng, bị vỡ màn hình và mặt kính lưng, không lên nguồn, bên trong lắp 01 sim Viettel, số sim 8984048000064301758 với số thuê bao 0962016232 trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến 27/6/2022.

+ Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS trên chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, Imei 1: 869035040504033, Imei 2: 869035040504025, bên trong lắp 01 sim số thuê bao 0962016232 với số thuê bao 0866193665 trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến 27/6/2022.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Thị L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS-GV, ngày 06/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn truy tố Vũ Thị L ra trước Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn để xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Thị L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; đề nghị áp dụng: khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị Liên t 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/3/2024. Phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 35.000.0000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Thị L cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của **Vũ Thị L**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu vàng, bị vỡ màn hình, thu giữ của anh **Nguyễn Tiến D**.

Buộc **Vũ Thị L** nộp lại số tiền 510.606.000 đồng (tiền sử dụng cho vay); số tiền 46.788.677 đồng (tiền lãi theo mức lãi suất tối đa quy định của PL) để sung ngân sách nhà nước;

Buộc anh **Nguyễn Tiến D** nộp lại số tiền 2.680.842.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Buộc **Vũ Thị L** trả lại cho anh **Nguyễn Tiến D** số tiền 209.379.327 đồng.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Anh **Nguyễn Tiến D** có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa;

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án khác vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa bị cáo **Vũ Thị L** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo **Vũ Thị L** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 29/01/2022 đến ngày 27/6/2022, **Vũ Thị L** đã có hành vi nhiều lần cho anh **Nguyễn Tiến D** vay tổng số tiền 3.191.448.000 đồng với mức lãi suất từ 109,5%/năm, gấp 5.475 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, tổng số tiền **L** thu lời bất chính là **242.073.391** đồng.

Bộ luật hình sự quy định

“Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Bị cáo **Vũ Thị L** là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Việc các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố và xét xử bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, tiền tệ của nhà nước; xâm phạm đến an toàn công cộng và lợi ích của cá nhân. Bị cáo có công việc kinh doanh buôn bán tại gia đình, không công tác hoặc có chức vụ gì thuộc các tổ chức tín dụng, công ty tài chính, không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, thế chấp tài sản hoặc kinh doanh tiền tệ, nhưng vì ham thu lợi bất chính, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên cần phải buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi cố ý thuộc trường hợp nghiêm trọng.

[3] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi cho vay, các hành vi liên tục và nối tiếp nhau về mặt thời gian, tuy nhiên chỉ một lần cho vay thuộc trường hợp phải truy cứu trách nhiệm hình sự do vậy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần, nên về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền nơi cư trú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ răn đe và giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với mục đích thu lợi bất chính, vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền 30.000.000 đồng đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh thu giữ của **Vũ Thị L**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu vàng, bị vỡ màn hình, thu giữ của anh **Nguyễn Tiến D**. Quá trình điều tra xác định, đây là các tài sản hợp pháp của **L** và anh **D** sử dụng làm phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 3.191.448.000 đồng, là tiền của **L** cho anh **D** vay. Quá trình điều tra xác định, anh **D** đã trả cho **L** số tiền 510.606.000 đồng, anh **D** còn nợ **L** số tiền 2.680.842.000 đồng. Vì vậy, cần buộc bị cáo **L** nộp lại số tiền **510.606.000** đồng; buộc anh **D** nộp lại số tiền **2.680.842.000** đồng, để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 54.094.613 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự trong khoảng thời gian từ ngày 29/01/2022 đến ngày 27/6/2022 của tất cả các khoản tiền **L** cho anh **D** vay. Quá trình điều tra xác định, **L** đã thu của anh **D** số tiền 46.788.677 đồng, còn lại 7.305.936 đồng anh **D** chưa trả cho **L**. Vì vậy, cần buộc **L** nộp lại số tiền **46.788.677** đồng, để truy thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 242.073.391 đồng là số tiền lãi suất cao Liên tính để anh **D** phải trả cho **L**. Quá trình điều tra xác định số tiền thực tế **L** đã thu được của **D** là 209.379.327 đồng, do vậy cần buộc **L** trả lại số tiền **209.379.327** đồng cho anh **D**; Số tiền 32.694.064 đồng, anh **D** chưa trả cho **L**, nên không xem xét xử lý.

[7]. Đối với khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến 29/01/2022, khoảng thời gian từ 27/02/2022 đến ngày 04/4/2022 và khoảng thời gian từ ngày 27/4/2022 đến ngày 16/6/2022, anh **Nguyễn Tiến D** khai **Vũ Thị L** cho anh **D** nhiều lần vay tiền với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày thông qua chuyển khoản và tiền mặt. Tuy nhiên, bản thân anh **D** không nhớ đã vay của **L** bao nhiêu tiền, trả tiền mặt cho **L** bao nhiêu lần, mỗi lần bao nhiêu tiền và trả vào khoảng thời gian nào; **Vũ Thị L** khai nhận trong các khoảng thời gian trên do anh **D** trình bày khó khăn và không có khả năng trả lãi, nên **L** đã chót nợ và cho anh **D** vay không lấy lãi suất thông qua chuyển khoản và tiền mặt, việc anh **D** đã nhiều lần trả bằng tiền mặt và chuyển trả qua tài khoản ngân hàng cho **L**, **L** không nhớ cụ thể **D** đã trả cho mình bao nhiêu lần, bao nhiêu tiền; ngoài lời khai của anh **D** thì không có tài liệu nào khác để chứng minh, nên không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với hành vi cho vay lãi nặng của **Vũ Thị L** trong khoảng thời gian này.

Đối với việc anh **D** đã cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra, màu trắng, biển kiểm soát 35A-176.01 cho chị **Đào Thị Hồng N** và **Lưu D2 H5** để lấy số tiền 400.000.000 đồng trả nợ cho **L**. Sau đó 03 ngày, **D** đã chuyển khoản qua ngân hàng trả cho **H5** 400.000.000 đồng để lấy lại xe ô tô. Quá trình điều tra, **L** xác nhận đã được **D** trả số tiền 400.000.000 đồng chuyển đến số tài khoản ngân hàng của **Lưu Danh H5**. Việc **D** cầm cố xe ô tô cho **H5** và **N** không có hợp đồng, **H5** và **N** khai báo chỉ cho bà **L** vay tiền, không có việc cầm cố xe ô tô của **D**, ngoài lời khai của anh **D** và **L** thì không có tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với **H5** và **N** về hành vi này. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chị **Trần Thị H**, anh **Tạ Hùng T1**, chị **Vũ Thị T2**, chị **Nguyễn Ngọc H1**, ông **Trần Văn H2**, chị **Nguyễn Thị H3**, anh **Đỗ Phú H4** là những người thông qua mối quen hệ của chị **L** với chị **H**, khi **L** nhờ chuyển tiền cho **D**; tuy nhiên quá trình điều tra xác định chị **H**, anh **T1**, chị **T2**, chị **H1**, ông **H2**, chị **H3** và anh **H4** không biết việc **L** cho anh **D** vay lãi nặng, không hưởng lợi gì, nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an huyện G**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện G**, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Từ những nhận định trên cho thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cần áp dụng đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quan điểm xử lý của Hội đồng xét xử.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo **Vũ Thị L** phạm tội "*Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự*"; Xử phạt bị cáo **Vũ Thị L** 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/3/2024.

- Phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo **Vũ Thị L** 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo **Vũ Thị L** cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu vàng, bị vỡ màn hình và mặt kính lưng, không lên nguồn; (*Chi tiết các vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và C Cự hành án dân sự huyện G ngày 19/10/2023*)

Buộc bị cáo **Vũ Thị L** nộp lại số tiền **557.394.700 đồng** (*năm trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi tư nghìn, bảy trăm đồng*) (số tiền đã được làm tròn từ số tiền 557.394.677 đồng)

Buộc anh **Nguyễn Tiến D** nộp lại số tiền **2.680.842.000** đồng (hai tỷ, sáu trăm tám mươi triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng), để sung ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo **Vũ Thị L** phải trả lại số tiền **209.379.300** đồng (hai trăm lẻ chín triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm đồng) cho anh **Nguyễn Tiến D**; (số tiền đã được làm tròn từ số tiền 209.379.327 đồng)

3. Án phí: Bị cáo **Vũ Thị L** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án 07/3/2024. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
 - VKSND tỉnh NB
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
 - VKSND huyện Gia Viễn;
 - Chi cục THADS huyện Gia Viễn;
 - Công an huyện Gia Viễn;
 - Bị cáo; người tham gia tố tụng;
 - Lưu hồ sơ; văn phòng;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lã Hoàng Giáp